

Bản án số: **08/2018/DS-PT**
Ngày 17-10-2018
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất
và Tranh chấp bồi thường thiệt hại
về tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Hồng Quân

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Đoàn

Bà Nguyễn Thị Thu Lan

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Nguyễn Văn Đông - Thẩm tra viên, Toà án nhân dân tỉnh Yên Bái;

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái tham gia phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 10/2018/TLPT-DS ngày 24 tháng 8 năm 2018 về “Tranh chấp về quyền sử dụng đất và tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2018/DS-ST ngày 17 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Yên Bái bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 11/2018/QĐ-PT ngày 01 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Đồng nguyên đơn:

1.1. Ông Ngô Thanh X - Sinh năm 1949;

1.2. Bà Lê Thị M - Sinh năm 1958;

Đều trú tại: Thôn H, xã P, huyện Y, tỉnh Yên Bái; Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn: Ông Trần Quốc T - sinh năm 1940; Trú tại: Tổ 5A, thị trấn Nông trường L, huyện VC, tỉnh Yên Bái. Theo văn bản ủy quyền ngày 26-6-2018. Có mặt.

2. Đồng bị đơn:

2.1. Bà Đinh Thị Th - Sinh năm 1947;

Trú tại: Thôn H, xã P, huyện Y, tỉnh Yên Bái; Có mặt.

2.2. Ông Ngô Mạnh Q - Sinh năm 1974;

Trú tại: Thôn H, xã P, huyện Y, tỉnh Yên Bái; Có mặt.

2.3. Ông Đào Quang A - Sinh năm 1952;

Trú tại: Thôn H, xã P, huyện Y, tỉnh Yên Bái; Có mặt.

2.4 Ông Đỗ Văn C - Sinh năm 1950;

Trú tại: Thôn H, xã P, huyện Y, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Đỗ Thị T1 - Sinh năm 1974

Trú tại: Thôn H, xã P, huyện Y, tỉnh Yên Bái; Có mặt.

3.2. Bà Phùng Thị L1 – Sinh năm 1955;

Trú tại: Thôn H, xã P, huyện Y, tỉnh Yên Bái.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Văn C, theo văn bản ủy quyền ngày 26-7-2017. Bà L1 vắng mặt; Ông C có mặt tại phiên tòa.

3.3. Bà Nguyễn Thị M1 - Sinh năm 1962;

Trú tại: Thôn H, xã P, huyện Y, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

3.4. Ông Ngô Văn S (Ngô Minh S) - Sinh năm 1945;

Trú tại: Thôn H, xã P, huyện Y, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

4. Người kháng cáo: Ông Ngô Thanh X là đồng nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo đồng nguyên đơn là ông Ngô Thanh X và bà Lê Thị M, người đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn trình bày: Vợ chồng ông Ngô Thanh X và bà Lê Thị M được Ủy ban nhân dân huyện Y cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A352442, số vào sổ: 260/QSDĐ, ngày 10-11-1990, có diện tích đất 12.451 m² tại Thôn H, xã P, huyện Y, tỉnh Yên Bái. Ngày 06-02-1992 bà Đinh Thị Th mượn của ông X, bà M diện tích 6.234 m² đất bao gồm:

- Diện tích đất thổ cư 200 m², thửa số 40 và diện tích đất vườn tạp 150 m², thửa 41 (Hiện nay do ông Đào Quang A đang sử dụng làm nhà ở và các công trình khác);

- Diện tích đất vườn tạp 150 m² thửa số 40, đang do ông Đào Quang A sử dụng và làm nhà ở trên đất.

- Diện tích 5.200 m² đất vườn rừng thửa số 39 tờ bản đồ số 7-R, hiện đang do ông Ngô Mạnh Q sử dụng 3.500 m² và ông Đỗ Văn C sử dụng 1.700 m².

- Diện tích đất ruộng diện tích 328 m² thửa số 275 do ông Ngô Mạnh Q sử dụng.

Sau khi bà Đinh Thị Th mượn đất bà Th không canh tác mà giao cho con trai là Ngô Mạnh Q sử dụng, ông Ngô Mạnh Q lại đổi bán đất cho ông Đào Quang A thửa số 40, 41; ông Đỗ Văn C chiếm dụng một phần đất của thửa số 39.

Khi giao dịch mượn đất thì chỉ có ông Ngô Thanh X và bà Đinh Thị Th giao dịch với nhau, không làm giấy tờ, không có người chứng kiến.

Nay ông Ngô Thanh X yêu cầu bà Đinh Thị Th phải trả cho ông diện tích 6.234 m² đất đã kê khai ở trên, trong đó:

Yêu cầu ông Đỗ Văn C phải trả toàn bộ diện tích đất ở thửa 39 (theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án).

Yêu cầu ông Ngô Mạnh Q phải trả số diện tích đất ở thửa 39 và thửa số 274, 275 (theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án).

Yêu cầu ông Đào Quang A phải tháo dỡ các công trình xây dựng trên đất và trả lại toàn bộ diện tích đất tại số thửa 40 (theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án có diện tích là 184,6 m²) và diện tích đất tại thửa số 41 (theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án có diện tích là 114,3 m²).

Tại đơn khởi kiện ông Ngô Thanh X, bà Lê Thị M có yêu cầu ông Ngô Mạnh Q bồi thường thiệt hại tài sản trên đất là 35.000.000 đồng, Ông C phải bồi thường 17.000.000 đồng, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án ông Ngô Thanh X đã rút toàn bộ yêu cầu này không yêu cầu Ông C, ông Q bồi thường thiệt hại tài sản trên đất.

Đồng bị đơn bà Đinh Thị Th và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ông Ngô Văn S (Chồng bà Đinh Thị Th) trình bày: Ngày 10 tháng 02 năm 1992, ông Ngô Thanh X, bà Lê Thị M đã chuyển nhượng cho gia đình ông Ngô Văn S, bà Đinh Thị Th toàn bộ đất thổ cư, đất vườn tạp, đất rừng, đất ruộng, đất ao. Hai bên

đã lập thành văn bản viết tay “Giấy nhượng đất thổ cư, nhà ở”. Sau khi nhận được chuyển nhượng ông S, bà Th đã giao lại toàn bộ diện tích đất cho con trai là Ngô Mạnh Q sử dụng ổn định đến năm 2003 thì xảy ra tranh chấp. Ông Ngô Văn S và bà Đinh Thị Th khẳng định không mượn đất của ông Ngô Thanh X.

Đồng bị đơn ông Ngô Mạnh Q và là người đại diện theo ủy quyền cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị T1 (vợ ông Ngô Mạnh Q) trình bày: Năm 1992 ông Ngô Thanh X chuyển nhượng đất cho ông Ngô Văn S và bà Đinh Thị Th, sau đó ông S, bà Th giao lại toàn bộ diện tích này cho ông Q quản lý sử dụng. Đến năm 1997 ông Q có đổi đất cho ông Đào Quang A khoảng 400 m² và đất vườn tạp; khi đổi đất cho ông A không đo cụ thể là bao nhiêu. Nay ông Ngô Thanh X và bà Lê Thị M khởi kiện yêu cầu ông Q, bà T1 phải trả lại đất. Ông Q không nhất trí vì ông S, bà Th đã được ông X chuyển nhượng ngày 10-02-1992.

Đồng bị đơn ông Đào Quang A và là người đại diện theo ủy quyền cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M1 (vợ ông Đào Quang A) trình bày: Năm 1997 ông Đào Quang A đổi đất cho ông Ngô Mạnh Q chiều dài theo mặt đường VP 13m. Ông A đã san ủi đất, xây dựng nhà ở và các công trình khác trên đất. Ông A không nhất trí trả lại đất cho ông X, bà M vì ông A xác định không mượn đất của ông X, bà M.

Đồng bị đơn ông Đỗ Văn C và là người đại diện theo ủy quyền cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phùng Thị L1 (vợ ông Đỗ Văn C) trình bày: Ông C nhận chuyển nhượng phần diện tích đất của ông Phùng Đình D 2.800 m² đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 630387 do Ủy ban nhân dân huyện Y cấp ngày 28-8-1997, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 0325/QSDĐ. Ông C không mượn, lấn chiếm đất của ông X.

Tòa án nhân dân huyện Y đã quyết định thu thập tài liệu chứng cứ. Kết quả thể hiện: Ngày 05-3-2004, ông Ngô Thanh X đã khởi kiện đối với ông Ngô Văn S đòi lại quyền sử dụng đất đã chuyển nhượng cho ông S theo Giấy chuyển nhượng thổ cư, nhà ở lập ngày 10-02-1992. Ngày 03-8-2004, Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Yên Bái đã ra Quyết định Đình chỉ giải quyết vụ án số 03/QĐ-ĐC với lý do “Thời hiệu khởi kiện đã hết”.

Theo đề nghị của ông Ngô Thanh X, Tòa án nhân dân huyện Y đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, kết quả thể hiện:

- Thừa số 40, tờ bản đồ 7 + 8T, ông Đào Quang A đang thực tế sử dụng 184,6 m² (ông A đã xây dựng nhà ở và các công trình phụ); Thừa số 41, tờ bản đồ

7 + 8T, ông Đào Quang A đang thực tế sử dụng 114,3 m² (ông A đã sử dụng làm đất ở, đã xây dựng công trình trên đất là 87m² và làm đường là 27,3 m²). **Hai thửa đất số 40 và 41 nói trên nằm trong mục I của “Giấy nhượng thổ cư, nhà ở” lập giữa ông Ngô Văn S và ông Ngô Thanh X, bà Lê Thị M ngày 10-02-1992.**

- Thửa số 39, tờ bản đồ 7R có tổng diện tích 7.359,2 m², trong đó ông Đỗ Văn C đang sử dụng 852 m²; ông Ngô Mạnh Q đang sử dụng 6.506,7 m². **Thửa đất số 39 nằm trong mục III của “Giấy nhượng thổ cư, nhà ở” lập giữa ông Ngô Văn S và ông Ngô Thanh X, bà Lê Thị M ngày 10-02-1992.**

- Thửa số 274, tờ bản đồ 7: Diện tích trong giấy chứng nhận là 356 m², đo thực tế là 435,1 m² hiện do ông Ngô Mạnh Q đang sử dụng; Thửa số 275, tờ bản đồ 7: Diện tích trong giấy chứng nhận là 328 m², đo thực tế là 497,2 m² hiện do ông Ngô Mạnh Q đang sử dụng. (Diện tích hai thửa 274, 275 gia tăng do sai số trong quá trình đo đạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Ngô Thanh X do trước đây đo bằng phương pháp thủ công. **Hai thửa đất số 274 và 275 nói trên nằm trong mục II của “Giấy nhượng thổ cư, nhà ở” lập giữa ông Ngô Văn S và ông Ngô Thanh X, bà Lê Thị M ngày 10-02-1992.**

Kết quả định giá của Hội đồng định giá đã xác định:

- Tổng giá trị tài sản là đất là : 462.934.000 đồng;
- Tổng giá trị tài sản là nhà cửa, vật kiến trúc là 563.307.589 đồng;
- Tổng giá trị tài sản là cây cối, hoa màu là 29.092.000 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2018/DS-ST ngày 17-7-2018 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Yên Bái quyết định:

Áp dụng Điều 91; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Thanh X và bà Lê Thị M về việc đòi bà Đinh Thị Th và ông Ngô Mạnh Q trả lại đất cho mượn, đòi ông Đào Quang A, ông Đỗ Văn C và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải trả diện tích đất lấn chiếm (Tại các thửa 39, 40, 41, 274, 275 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A352442, sổ vào sổ 260/QSĐĐ ngày 10 tháng 11 năm 1990 do Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Yên Bái cấp cho ông Ngô Thanh X).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản và quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án cho các đương sự theo luật định.

Tại đơn kháng cáo ngày 01-8-2018, được làm lại ngày 07-8-2018, đồng nguyên đơn là ông Ngô Thanh X đã kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Yên Bái. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết buộc các bị đơn phải trả lại toàn bộ diện tích đất đang chiếm dụng là 6.324 m².

Trong quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, đồng nguyên đơn ông Ngô Thanh X và bà Lê Thị M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công làm Chủ tọa phiên tòa, những người tiến hành tố tụng khác và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án phúc thẩm đến quá trình xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của ông Ngô Thanh X và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2018/DS-ST ngày 17-7-2018 của Tòa án nhân dân huyện Y.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Đồng nguyên đơn ông Ngô Thanh X và bà Lê Thị M khởi kiện yêu cầu bị đơn là bà Đinh Thị Th và các bị đơn là ông Đỗ Văn C, ông Ngô Mạnh Q, ông Đào Quang A phải trả cho ông X và bà M tổng số diện tích đất 6.234 m² đất tại các thửa đất số 39, 40, 41, 274, 275 mà gia đình ông đã được Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Yên Bái cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A352442, số vào sổ: 260/QSDD, ngày 10-11-1990 với lý do ông cho bà Đinh Thị Th mượn để sử dụng canh tác vào ngày 06-02-1992, nhưng bà Th không sử dụng mà lại giao cho anh Ngô Mạnh Q sử dụng, sau đó anh Q đổi đất cho ông Đào Quang A sử dụng và để ông Đỗ Văn C chiếm dụng một phần. Ngoài ra ông Ngô Thanh X, bà Lê Thị M có yêu cầu ông Q bồi thường thiệt hại tài sản trên đất là 35.000.000 đồng, Ông C phải

bồi thường 17.000.000 đồng, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án ngày 04-7-2018 ông Ngô Thanh X đã rút toàn bộ yêu cầu này.

Xét thấy đây là tranh chấp về quyền sử dụng đất và tranh chấp về bồi thường thiệt hại về tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân.

[2] Ông Ngô Thanh X cho rằng đã cho bà Đinh Thị Th mượn số diện tích đất 6.234 m², nhưng việc cho mượn chỉ có ông và bà Đinh Thị Th trao đổi, không lập thành văn bản, không có người làm chứng. Số đất bà Th mượn nói trên không nằm trong số đất ông và bà Lê Thị M đã chuyển nhượng cho ông Ngô Văn S theo “Giấy nhượng thổ cư, nhà ở” lập ngày 10-02-1992.

Bà Đinh Thị Th, ông Ngô Văn S, ông Ngô Mạnh Q đều xác định không có việc bà Th mượn đất của ông X, mà toàn bộ diện tích đất ông X đòi đều nằm trong số đất ông Ngô Thanh X và Lê Thị M đã chuyển nhượng cho ông Ngô Văn S theo “Giấy nhượng thổ cư, nhà ở” lập ngày 10-02-1992.

Xét “Giấy nhượng thổ cư, nhà ở” lập ngày 10-02-1992 có nội dung:

“ Tên tôi Ngô Thanh X 42 tuổi ở đội 7 H. tác xã P huyện Y tỉnh Yên Bái.

Nay có bán nhượng cho người anh trai là Ngô Văn S mua cho con trai là Ngô Văn Q một thổ cư, nhà ở sau đây.

I. *Toàn bộ thổ cư nhà ở từ chân gò chè của ông E đến mép đường đá đi VP.*

II. *Ruộng tư 3 thửa từ cống ao chú K đến giáp ruộng tư của ông S1 thuộc Đàm Lượng*

- 1 cái ao thả cá ở cống vào cạnh vườn

III. *Toàn bộ gò chè giáp thổ cư của anh Đ vào đến giáp còi chú K gò phay kể cả che diển trong phạm vi gò*

IV. *Gò vầu giáp nương ông E gò thờ, trừ mặt bằng lòng hổ và bỏ lại một tầm ven là 3 mét*

V. *Ruộng cấy tập thể, sau thu hoạch vụ chiêm tháng 5 năm 1992, cắt cho 1 thửa loại 1: 1,8 sào thước để anh Q cấy vụ mùa năm 1992.*

Với số tiền 3500.000 đồng

“ba triệu năm trăm ngàn đồng chẵn”

Tôi đã nhận đủ số tiền trên

Và hai gia đình đã đưa đi chỉ dẫn những khu vực trên cho anh Q được quyền quản lý

Biên bản này hai gia đình đã thỏa thuận ký tên “ông X sin để lại 1 đường vào nhà trong”

P ngày 10-2/92”

Ông Ngô Thanh X thừa nhận chữ ký trong “Giấy nhượng thổ cư, nhà ở nói trên là chữ ký của ông X và bà Lê Thị M. Ông Ngô Văn S, ông Ngô Mạnh Q và người chứng kiến là ông Ngô Văn L2 (Em trai của ông X và ông S) đều xác nhận sự việc chuyển nhượng nói trên.

Kết quả thẩm định tại chỗ đã xác định được toàn bộ diện tích đất 6.234 m² ông X khởi kiện đòi các bị đơn phải trả lại đều nằm trong “Giấy nhượng thổ cư, nhà ở” lập ngày 10-02-1992 giữa ông Ngô Văn S và ông Ngô Thanh X, bà Lê Thị M.

Như vậy, đối tượng tranh chấp là diện tích đất 6.234 m² ông Ngô Thanh X khởi kiện là tài sản ông Ngô Thanh X và bà Lê Thị M đã chuyển nhượng cho ông Ngô Văn S theo “Giấy nhượng thổ cư, nhà ở” lập ngày 10-02-1992. Căn cứ Quyết định đình chỉ số: 03/QĐ-ĐC ngày 03-8-2004 của Tòa án nhân dân huyện Y tỉnh Yên Bái, thì “Giấy nhượng thổ cư, nhà ở” lập ngày 10-02-1992 là hợp đồng dân sự có hiệu lực pháp luật và toàn bộ diện tích đất trong hợp đồng này là tài sản của ông Ngô Mạnh Q.

Việc Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định không có cơ sở để xác định bà Đinh Thị Th có mượn 6.234 m² đất của ông Ngô Thanh X và quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Thanh X và bà Lê Thị M là có căn cứ pháp luật, cần được chấp nhận.

[3] Xét kháng cáo của ông Ngô Thanh X thấy rằng: tại Tòa án cấp phúc thẩm và tại phiên tòa hôm nay ông X không có thêm một căn cứ nào khác để chứng minh là đã cho bà Đinh Thị Th mượn 6.234 m² đất nên kháng cáo của ông Ngô Thanh X là không có căn cứ để chấp nhận. Do đó cần giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 05/2018/DS-ST ngày 17-7-2018 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Yên Bái như ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của ông Ngô Thanh X không được chấp nhận, nhưng ông Ngô Thanh X là người thuộc đối tượng được miễn toàn bộ án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nên ông Ngô Thanh X được miễn toàn bộ án phí.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét và có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Ngô Thanh X. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2018/DS-ST ngày 17 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Yên Bái. Cụ thể như sau:

Căn cứ các Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 280, 357, 463, 468; 469, 688 của Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Thanh X và bà Lê Thị M về việc đòi bà Đinh Thị Th và ông Ngô Mạnh Q trả lại đất cho mượn, đòi ông Đào Quang A, ông Đỗ Văn C và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải trả diện tích đất lấn chiếm (Tại các thửa 40, 41, 39, 274, 275 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A352442, sổ vào sổ 260/QSDĐ ngày 10 tháng 11 năm 1990 do Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Yên Bái cấp cho ông Ngô Thanh X).

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Ngô Thanh X và bà Lê Thị M phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 4.200.000 đồng (Bốn triệu hai trăm ngàn đồng), xác nhận ông Ngô Thanh X đã nộp đủ.

- Về chi phí định giá tài sản: Ông Ngô Thanh X và bà Lê Thị M phải chịu chi phí định giá tài sản là 3.300.000 đồng (Ba triệu ba trăm ngàn đồng), xác nhận ông Ngô Thanh X đã nộp đủ.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Ngô Thanh X và bà Lê Thị M. Ông Ngô Thanh X được trả lại số tiền 4.560.000 đồng (Bốn triệu năm trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2013/05109 ngày 08-5-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Yên Bái.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho ông Ngô Thanh X.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Yên Bái;
- TAND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Các đương sự ;
- Lưu: Hồ sơ, TA, HCTP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Hồng Quân